



yún céng

云层

noun · cloud layer

Example Sentences

fēi jī chuān guò hòu hòu de yún céng

飞机穿过厚厚的云层。

The plane passed through thick cloud layers.

yún céng zhē zhù le tài yáng tiān qì biàn de yīn chén

云层遮住了太阳，天气变得阴沉。

The cloud layer blocked the sun, and the weather turned gloomy.

Trace each character, then write the word on your own.

云	云	云	云	云	云	云													
层	层	层	层	层	层	层	层	层	层	层									